

Bản án số: 325/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/12/2022

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Tổng Văn Tư**

2. Ông **Trần Văn sáu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia phiên tòa

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 617/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “Xin Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 281/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Cẩm T**, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Trọng N**, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có mặt tại phiên tòa; anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Cẩm T** trình bày:

Chị và anh **Nguyễn Trọng N** xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013 có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống đến khoảng tháng 10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 01/2019 đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Trọng K, sinh ngày 26/6/2013, hiện do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Nguyễn Trọng N không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên. Bị đơn anh N vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con của chị và anh N theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Chị T có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh N và yêu cầu nuôi con chung của chị và anh N, nên xác định đây là tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về việc vắng mặt của đương sự:* Xét thấy, anh N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa xét xử việc chị T khởi kiện đến lần thứ hai, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

- Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Nguyễn Trọng N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lợi A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2017 ngày 10/03/2017. Vợ chồng chung sống đến khoảng tháng 10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N có quan hệ ngoại tình nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã tự cắt đứt quan hệ vợ chồng tháng 1/2019 đến nay.

- Anh N là bị đơn đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết và xét xử việc chị T kiện, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do và

cũng không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện, chứng tỏ anh cũng không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa anh và chị T, đồng thời xem như anh từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi của mình.

- Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T và cho chị T được ly hôn với anh N là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình

[2.2]. *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Trọng K, sinh ngày 26/6/2013, hiện do chị T nuôi dưỡng từ khi anh chị cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay đã ổn định. Hơn nữa theo ý kiến tham khảo tại tờ tự khai ngày 17/10/2022 cháu K có nguyện vọng sống với mẹ, nên không cần xáo trộn tình cảm của con chung mà tiếp tục giao con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[2.3]. *Về tài sản chung*: Không có.

[2.4]. *Về nợ chung*: Không có.

[3]. **Về án phí**: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. **Về quyền kháng cáo**: Chị T, anh N được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm T.

- Cho chị Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với anh Nguyễn Trọng N.

2. *Về con chung*: Chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Nguyễn Thị Cẩm T.

- Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Trọng K, sinh ngày 26/6/2013 cho chị T nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét do chị T không yêu cầu.

- Sau khi ly hôn, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

3. *Về tài sản chung*: Không có.

4. *Về nợ chung*: Không có.

5. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Cẩm T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010307 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên xem như chị T đã thi hành xong phần án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

- Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Anh N được tính từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Mỹ Lợi A, H. Cái Bè, TG;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Nhịn